

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 2310

Số: 992 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 20 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước
khóa I (nhiệm kỳ 2009-2011).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 11/8/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho phép thành lập Hội Doanh nghiệp nữ tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 17/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đổi tên Hội Doanh nghiệp nữ tỉnh Bình Phước thành Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của bà Phạm Thị Mỹ Lệ, Chủ tịch Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước tại Tờ trình số 01/TTr-DNN ngày 18/3/2009 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 249/TTr-SNV ngày 14/4/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước đã được Đại hội Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước khóa I (nhiệm kỳ 2009-2011) thông qua ngày 25/02/2009.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Hội Doanh nhân nữ tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTTU (báo cáo);
- CT, PCT;
- Như điều 2;
- LĐVP, CV: NC, SX;
- Sở Nội vụ: 03 bản;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.H80



ĐIỀU LỆ

Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước.

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 982 /QĐ-UBND ngày 20/4 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước (dưới đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội-nghề nghiệp tự nguyện của các doanh nhân nữ trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm đoàn kết tập hợp các nữ doanh nhân trong tỉnh, không phân biệt thành phần kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo cùng phấn đấu cho sự nghiệp phát triển bền vững của hội viên, tham gia đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, của đất nước vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

2. Tên gọi: Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi toàn tỉnh Bình Phước.

2. Hội hỗ trợ cho các nữ doanh nhân trong tỉnh nâng cao khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế, đồng thời tham gia tốt hoạt động xã hội.

3. Tư vấn cung cấp thông tin thương mại, pháp lý, kinh tế, công nghệ kỹ thuật và quản trị doanh nghiệp cho các hội viên.

4. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, hợp tác, thiết lập, phát triển mối quan hệ giữa các doanh nhân hội viên với các đối tác trong và ngoài tỉnh, các hoạt động văn hóa, xã hội, từ thiện.

5. Tổ chức các hoạt động mang tính chuyên môn nghề nghiệp, tìm hiểu thị trường, giới thiệu sản phẩm của doanh nhân hội viên ở trong và ngoài tỉnh.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đặt dưới sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh. Hoạt động của Hội tuân thủ pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội (Điều lệ của Hội do Đại hội đại biểu Hội thông qua và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt).

3. Trụ sở của Hội đặt tại: Số 846, quốc lộ 14, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Điện thoại: 0651.3870.945.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Hướng dẫn, tư vấn, tập huấn, cung cấp thông tin về: Thương mại, pháp lý, kỹ thuật cho hội viên, hỗ trợ hội viên phát triển. Mở rộng các mối quan hệ hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài tỉnh theo quy định của pháp luật.
2. Phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng, Nhà nước những doanh nhân nữ tài năng.
3. Tổ chức các hoạt động mang tính chuyên môn nghề nghiệp như: Tìm hiểu thị trường, giới thiệu sản phẩm của doanh nhân là hội viên trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; cung cấp các dịch vụ cho hội viên trong Hội.
4. Là cầu nối để các doanh nhân nữ đề xuất với Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương về những vấn đề liên quan đến chính sách khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ các nữ doanh nhân phát triển.
5. Tham gia thực hiện chương trình hoạt động chung của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh theo điều kiện và đặc điểm của doanh nhân nữ.
6. Xây dựng, củng cố các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp; tạo điều kiện để người lao động đặc biệt là lao động nữ để họ có điều kiện tham gia tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và các hoạt động phong trào nhằm xây dựng tập thể tiên tiến, giúp nhau cùng tiến bộ và phát triển bình đẳng trong xã hội.
7. Tạo môi trường giáo dục, động viên khích lệ các nữ doanh nhân tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.
8. Hỗ trợ các hội viên nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý, điều hành, mở rộng các mối quan hệ hợp tác đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh.
9. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội, hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.
4. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
5. Được tư vấn, phản biện các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Hội.
6. Được tham gia ý kiến vào các văn bản pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới các vấn đề phát triển của Hội và lĩnh vực hoạt động.
7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Tiêu chuẩn hội viên

Phụ nữ là Giám đốc, Phó Giám đốc, chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh, phụ nữ tham gia quản lý kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội và được Ban Chấp hành Hội công nhận là hội viên của Hội.

Điều 7. Quyền của hội viên

1. Được cung cấp các thông tin cần thiết.

2. Được cung cấp các dịch vụ đào tạo, tư vấn, thông tin để tìm hiểu nghiên cứu thị trường và các vấn đề pháp luật về kinh tế.

3. Được tạo điều kiện tiếp xúc, trao đổi, giao dịch, giới thiệu sản phẩm nhằm hợp tác sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Được tham gia mọi hoạt động do Hội tổ chức.

5. Được đề xuất, kiến nghị về các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của hội viên nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Hội.

6. Được ứng cử, đề cử vào các tổ chức của Hội.

7. Được thảo luận, biểu quyết các vấn đề liên quan đến Hội.

8. Được quyền giám sát, kiểm tra toàn bộ các hoạt động của Hội.

9. Được quyền thảo luận, phê bình, chất vấn các tổ chức và cá nhân điều hành Hội về mọi chủ trương, hoạt động Hội.

Điều 8. Nghĩa vụ của hội viên

1. Thực hiện nghiêm Điều lệ và các quy định của Hội, các Nghị quyết của Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Hội.

2. Tích cực tham gia các hoạt động chung của Hội, tuyên truyền mở rộng ảnh hưởng của Hội, giúp đỡ và giới thiệu các nhà doanh nhân nữ vào Hội.

3. Đóng hội phí và các khoản khác đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định.

4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch Hội phân công và theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thẻ thức ra, vào Hội

1. Thẻ thức gia nhập Hội

a) Từ sau Đại hội thành lập Hội, các chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh là nữ, phụ nữ tham gia kinh doanh muốn gia nhập Hội phải có hồ sơ xin vào Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định về thành phần hồ sơ xin gia nhập Hội, không trái với quy định của pháp luật;

c) Các doanh nhân, tổ chức và cá nhân tán thành Điều lệ, tự nguyện xin gia nhập Hội sẽ được công nhận là hội viên sau khi nộp đơn xin gia nhập, đóng lệ phí và được trên 50% số ủy viên Ban Chấp hành đồng ý;

d) Khi có ý kiến khiếu nại có cơ sở của ủy viên Ban Chấp hành hoặc bộ phận kiểm tra về hội viên xin gia nhập mới, Văn phòng Hội phải tổ chức xem xét và báo cáo Ban Chấp hành quyết định;

đ) Hội viên mới phải nộp hội phí đầy đủ theo quy định của Hội;

e) Ban Chấp hành thông báo danh sách hội viên cho tất cả các hội viên trong Hội.

2. Thẻ thức chấm dứt quyền hội viên

a) Hội viên tự nguyện xin rút khỏi Hội;

b) Hội viên bị khai trừ trong trường hợp:

- Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể diện và uy tín của Hội.

- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ này và quy định của Hội.

- Không đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

c) Hội viên bị khai trừ khi có 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành tán thành, quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội ký;

d) Ban Chấp hành thông báo danh sách hội viên xin ra khỏi Hội và hội viên bị khai trừ cho tất cả các hội viên khác.

Chương IV

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản, tự trang trải về tài chính.

2. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Bình đẳng với mọi hội viên.

Điều 11. Hội, chi hội

Hội phân công các thành viên trong Ban Chấp hành phụ trách từng bộ phận: Ban Tổ chức phát triển hội viên, Ban Đối ngoại, Tài chính và Ban Kiểm tra.

Điều 12. Đại hội và Hội nghị của Hội

1. Đại hội toàn thể hội viên có quyền lực cao nhất Hội, Đại hội tổ chức ba năm một lần. Hội nghị toàn thể được tổ chức một năm một lần.

2. Nhiệm vụ chính của Đại hội

a) Thảo luận, báo cáo tổng kết và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động Hội trong nhiệm kỳ.

b) Báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

- c) Phê duyệt quyết toán nhiệm kỳ cũ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hội.
- d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.
- e) Thảo luận và thông qua Nghị quyết của Đại hội.
- g) Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ (nếu có).

3. Nhiệm vụ chính của Hội nghị toàn thể hàng năm

- a) Thảo luận báo cáo tổng kết năm cũ và kế hoạch tài chính năm mới của Hội.
- b) Biểu quyết các vấn đề do Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra hoặc hội viên đề xuất.
- c) Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành và ủy viên Ban Kiểm tra trong trường hợp các ủy viên này bị khuyết.

4. Các Nghị quyết của Đại hội và Hội nghị toàn thể được thông qua bằng biểu quyết theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp không thể tham dự Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể, người đại diện của hội viên có thể ủy nhiệm cho người khác làm đại diện.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hội của từng nhiệm kỳ do Đại hội quyết định nhưng không quá 1/3 số hội viên.

2. Ban Chấp hành được bầu bằng cách bỏ phiếu kín hoặc giơ tay, danh sách các ủy viên đề cử phải được Đại hội thông qua. Trường hợp 02 ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì ứng cử viên nào có thời gian tham gia Hội lâu hơn sẽ đắc cử. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành theo nhiệm kỳ của Đại hội.

3. Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành và Điều lệ Hội.

4. Ban Chấp hành họp ít nhất 2 lần trong một năm theo triệu tập của Chủ tịch Hội. Phiên họp Ban Chấp hành được coi là hợp lệ khi có quá 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp.

5. Các Quyết định và Nghị quyết Ban Chấp hành được thông qua bằng biểu quyết và chỉ có giá trị hiệu lực khi có quá nửa (1/2) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp tán thành. Nếu số phiếu thuận và không thuận ngang nhau, bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội sẽ được chấp thuận.

6. Ban Chấp hành có nhiệm vụ, quyền hạn:

- a) Quyết định các biện pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội.
- b) Quyết định kế hoạch, chương trình công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành.
- c) Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính nhiệm kỳ hàng năm của Hội.
- d) Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các kỳ Đại hội.
- e) Triệu tập Đại hội bất thường hoặc Hội nghị toàn thể bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội theo đề nghị của Chủ tịch Hội hoặc Trưởng Ban Kiểm tra hoặc trên 50% tổng số hội viên yêu cầu.
- f) Chuẩn bị nội dung, chương trình Hội nghị và các tài liệu trình Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị toàn thể hàng năm.

g) Quy định cụ thể các nguyên tắc, chế độ quản lý, quy chế sử dụng tài chính của Hội.

h) Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội, các tổ chức giúp việc của Ban Chấp hành.

i) Bầu thay thế số ủy viên Ban Chấp hành bị khuyết và bầu bổ sung số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu bị thiếu, tổng số ủy viên không vượt quá số lượng đã được Đại hội quyết định.

k) Tuyển chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh thư ký và lãnh đạo các bộ phận khác do Hội thành lập.

l) Quyết định kết nạp, bãi miễn tư cách các hội viên.

m) Quyết định triệu tập Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể.

Điều 14. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thư ký Hội

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra.

2. Chủ tịch Hội là người đứng đầu Hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Ban Chấp hành Hội trước cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật và toàn thể các hội viên, thành viên trong Hội để nhằm đảm bảo hoạt động có hiệu lực, hiệu quả để phát triển bền vững Hội.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội

a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật.

b) Ký quyết định bổ nhiệm, bãi miễn Ban Chấp hành và trực tiếp chỉ đạo thư ký Hội.

c) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể hội viên về các hoạt động của Hội.

d) Phê duyệt nhân sự cho Văn phòng Hội và các bộ phận khác do Hội thành lập theo đề nghị của thư ký và quy định của Hội.

e) Chủ trì họp Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu xong Chủ tịch mới.

4. Các Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch, được Chủ tịch phân công giải quyết từng vấn đề và có thể được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

5. Thư ký Hội

a) Là người có phẩm chất tốt, trình độ quản lý giỏi và có khả năng giao dịch.

b) Không được phép có quan hệ vật chất riêng tư dưới mọi hình thức với các thành viên của Hội.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký Hội

a) Đại diện cho Văn phòng Hội trong quan hệ giao dịch.

b) Tổ chức điều hành các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội.

c) Quản lý giấy tờ, tài liệu giao dịch của Hội.

d) Xây dựng các Quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt.

e) Định kỳ báo cáo cho Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội.

f) Được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội.

g) Lập các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

h) Quản lý danh sách hồ sơ và tài liệu về các tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật.

i) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và trước pháp luật hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 15. Các bộ phận chuyên môn và các tổ chức trực thuộc của Hội

1. Văn phòng Hội

a) Văn phòng Hội hoạt động theo Quy chế do thư ký trình Ban Chấp hành phê duyệt.

b) Nhân viên của Văn phòng phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao và do Ban Chấp hành Hội tuyển dụng theo quy định của Hội.

c) Kinh phí cho hoạt động hàng năm của Văn phòng do thư ký dự trù, Ban Chấp hành duyệt và Hội nghị toàn thể hàng năm biểu quyết phê chuẩn.

2. Ban Kiểm tra

a) Ban Kiểm tra do Đại hội bầu gồm 3 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra là 3 năm.

b) Ban Kiểm tra hoạt động độc lập với Ban Chấp hành, theo Quy chế do Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể hội viên thông qua.

c) Các ủy viên Ban Kiểm tra được Hội đại thọ cho các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động của Ban (nếu có).

3. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn

a) Kiểm tra, giám sát Ban Chấp hành, Chủ tịch, thư ký, các tổ chức giúp việc của Hội và tất cả các hội viên của Hội trong việc chấp hành Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính và các Nghị quyết của Hội.

b) Kiểm tra, thông báo với hội viên và kiến nghị xử lý các vấn đề do Ban Chấp hành hoặc hội viên đề nghị.

c) Yêu cầu Ban Chấp hành tổ chức phiên họp bất thường hoặc tổ chức Hội nghị toàn thể bất thường khi có vấn đề cần thiết liên quan đến Hội.

d) Trưởng Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội.

3. Hội có thể thành lập một số đơn vị hoạt động dịch vụ, tư vấn. Việc thành lập các đơn vị này phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 16. Tài sản của Hội

1. Các khoản thu của Hội
 - a) Hội phí gia nhập và hội phí thường niên do hội viên đóng góp theo quy định.
 - b) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân (nếu có).
2. Các khoản chi của Hội
 - a) Chi cho hoạt động của Văn phòng Hội, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Hội nghị, Đại hội.
 - b) Chi cho hoạt động thông tin tuyên truyền.
 - c) Các khoản chi hợp lý, hợp pháp khác.
 - d) Các khoản chi của Hội đảm bảo nguyên tắc đúng mục đích, hoạt động của Hội đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy chế tài chính.
3. Ban Chấp hành căn cứ vào tình hình tài chính hàng năm của Hội, đề xuất mức hội phí hàng năm và thông qua Hội nghị toàn thể.
4. Ban Chấp hành quy định Quy chế về quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hội, phù hợp với Quy chế tài chính chung của Nhà nước và phải được báo cáo công khai trước hội viên tại Hội nghị toàn thể hàng năm.
5. Tài chính của Hội được Ban Kiểm tra kiểm tra và báo cáo hàng năm cho hội viên.

Điều 17. Phương thức giải quyết tài sản, tài chính khi Hội giải thể

Hội chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Hội tự giải thể:
 - a) Hết thời hạn hoạt động.
 - b) Theo đề nghị của quá $\frac{1}{2}$ tổng số hội viên chính thức.
 - c) Mục tiêu đã hoàn thành.
2. Hội bị giải thể:
 - a) Hội không hoạt động liên tục 12 tháng.
 - b) Khi có Nghị quyết của Đại hội về việc giải thể mà ban lãnh đạo Hội không chấp hành.
 - c) Hoạt động của Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
3. Khi giải thể, Đại hội giải thể hoặc cơ quan Nhà nước ra quyết định giải thể Hội chỉ định một Ban Thanh lý tài sản, Ban Thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo kết quả thanh lý cho toàn thể hội viên.

Chương VI
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 18. Khen thưởng

Hội viên có nhiều công lao động đóng góp cho sự phát triển của Hội thì được Ban Chấp hành Hội khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng. Hình thức và mức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Kỷ luật

Hội viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, vi phạm pháp luật tùy theo mức độ vi phạm mà bị khiển trách, cảnh cáo, xóa tên trong danh sách hội viên hoặc đề nghị cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội nhất trí thông qua và được UBND tỉnh phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội chưa được quy định trong Điều lệ này thì được căn cứ vào những quy định tại Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15/01/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2003/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn để thi hành.

2. Bản Điều lệ này đã được Đại hội nhiệm kỳ I (2009-2011) Hội Doanh nhân nữ tỉnh Bình Phước nhất trí thông qua ngày 25/02/2009 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Bản Điều lệ này không còn hiệu lực khi Hội ngừng hoạt động hoặc giải thể.

4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm tổ chức triển khai nội dung bản Điều lệ này đến tất cả các hội viên của Hội./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiếu